

Phần I : Công Dân Với Kinh Tế

Bài I : Công Dân Với Sự Phát Triển Kinh Tế.

1. Sản xuất của cải vật chất,

a. Thế nào là sản xuất của cải vật chất.

Là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình .

b. Vai trò của sản xuất của cải vật chất

- Là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội. Xã hội sẽ không tồn tại nếu ngừng sản xuất ra của cải vật chất.

- Quyết định toàn bộ sự vận động của đời sống xã hội

2. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất .

a. Sức lao động .

– Là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất.

b. Đối tượng lao động .

- Là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó phù hợp với mục đích của con người .

Có 2 loại :

+ Có sẵn trong tự nhiên: (ngành công nghiệp khai thác)

+ Loại đã trải qua tác động của lao động → nguyên liệu (công nghiệp chế biến).

c. Tư liệu lao động .

- Là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người.

Có 3 loại :

+ Công cụ lao động hay công cụ sản xuất

+ Hệ thống bình chứa của sản xuất

+ Kết cấu hạ tầng của sản xuất

3. Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân , gia đình và xã hội.

a. Phát triển kinh tế (đọc thêm)

- Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ và công bằng xã hội.

b. Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân gia đình và xã hội

c. *Mối quan hệ giữa sức lao động đối tượng lao động và tư liệu lao động.*

- Đối tượng lao động và tư liệu lao động kết hợp thành tư liệu sản xuất.
- Lao động = sức lao động + tư liệu sản xuất.
- Tư liệu lao động và đối tượng lao động bắt nguồn từ tự nhiên. Còn sức lao động với tính sáng tạo, giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất.

Bài 2

HÀNG HÓA- TIỀN TỆ- THỊ TRƯỜNG

1. Hàng hoá.

a Hàng hoá là gì ?

- Là sản phẩm của lao động có thể thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua - bán.
- Hàng hoá có thể tồn tại ở dạng vật thể (hữu hình) hoặc ở dạng phi vật thể (hàng hoá dịch vụ).

b Hai thuộc tính của hàng hoá.

Hàng hóa có hai thuộc tính : Giá trị sử dụng và giá trị

*** Giá trị sử dụng của hàng hoá**

- Là công dụng của sản phẩm có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người.
- Giá trị sử dụng của hàng hóa ngày càng đa dạng phong phú cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất và khoa học kĩ thuật.

*** Giá trị của hàng hoá**

- Giá trị của hàng hoá được biểu hiện thông qua giá trị trao đổi của nó. Giá trị trao đổi là một quan hệ về số lượng, hay tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hoá có giá trị sử dụng khác nhau.
- Giá trị của hàng hoá là lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá. Giá trị hàng hoá là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi.

2. Tiền tệ.

a. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ

- * Nguồn gốc: 1 kết quả của quá trình phát triển lu di của sản xuất và trao đổi hàng hóa và của các hình thái giá trị.

- Các hình thức giá trị (*đọc thêm*)

* Bản chất: Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả các hàng hóa, là sự thể hiện chung của giá trị, đồng thời tiền tệ biểu hiện mối quan hệ sản xuất giữa những người sản xuất hàng hóa.

b. Chức năng của tiền tệ

- ***Thước đo giá trị :***

+ Tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa

+ Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định gọi là giá cả của hàng hóa

+ Trên thị trường giá cả có thể bằng giá trị, hoặc thấp hơn giá trị, cao hơn giá trị.

+ Giá trị của hàng hóa cao thì giá cả của nó cao và ngược lại.

- ***Phương tiện lưu thông.***

+ Tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi hàng hóa theo công thức : H- T –H

- ***Phương tiện cất trữ :***

+ Tiền là đại biểu cho của cải xã hội dưới hình thức giá trị, cất trữ tiền là hình thức cất trữ của cải.

- ***Phương tiện thanh toán .***

+ Tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch như : trả tiền mua chịu hàng hóa ,trả nợ, nộp thuế ...

- ***Tiền tệ thế giới :***

+ Khi trao đổi hàng hóa vượt khỏi biên giới quốc gia thì tiền làm chức năng tiền tệ thế giới.

c) Quy luật lưu thông tiền tệ(đọc thêm)

3. Thị trường.

a. Thị trường là gì ?

- Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ.

- Các quan hệ của thị trường : hàng hóa – tiền tệ, mua- bán, cung- cầu, giá cả hàng hóa.

2. Các chức năng cơ bản của thị trường .

* ***Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa.***

- Khi hàng hóa đem ra thị trường, nếu hàng hóa bán được tức là xã hội thừa nhận hàng hóa đó phù hợp với nhu cầu của thị trường thì giá trị của hàng hóa được thực hiện (người sản xuất bù đắp được giá trị).

* ***Chức năng thông tin.***

- Cung cấp thông tin về quy mô cung cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu chủng loại, điều

kiện mua bán ...các hàng hóa, dịch vụ.

-Giúp cho người bán và người mua đưa ra những quyết định có lợi nhất cho mình.

*** Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.**

- Điều tiết yếu tố sản xuất từ ngành này sang ngành khác, luân chuyển hàng hóa từ nơi này sang nơi khác.

- Khi giá cả một hàng hóa tăng → sản xuất hàng hóa đó nhiều hơn → Tiêu dùng hàng hóa đó ít hơn.

- Khi giá cả một hàng hóa giảm → sản xuất hàng hóa đó bị thu hẹp → kích thích tiêu dùng .

Bài 3

QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

1. Nội dung của quy luật giá trị.

a.Nội dung .

Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết.

b. Biểu hiện của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

*** Trong sản xuất** : Quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo :

- Thời gian lao động cá biệt phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.

- Tổng thời gian lao động cá biệt để sản xuất tổng hàng hóa phải phù hợp với tổng thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất tổng hàng hóa đó.

*** Trong lưu thông.**

- Trao đổi hàng hóa trên thị trường phải dựa trên cơ sở TGLĐXHCT hoặc theo nguyên tắc ngang giá.

- Giá cả hàng hóa bao giờ cũng vận động xoay xung quanh trục giá trị hàng hóa(hoặc trục thời gian lao động xã hội cần thiết).

- Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất.

2. Tác động của quy luật giá trị.

a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Thông qua giá cả trên thị trường , quy luật giá trị:

- Điều tiết sản xuất từ ngành này sang ngành khác.

- Luân chuyển hàng hóa từ nơi này đến nơi khác.

- Từ mặt hàng này sang mặt hàng khác.

b. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên.

- Người sản xuất kinh doanh muốn thu nhiều lợi nhuận phải tìm cách cải tiến kỹ thuật nâng cao tay nghề của người lao động, hợp lý hóa sản xuất, thực hành tiết kiệm.....

- Phải làm cho giá trị hàng hóa cá biệt thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa .

c. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa .

- Một số người sản xuất kinh doanh giỏi trở nên giàu có, thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển.

- Những người sản xuất kinh doanh kém sẽ thua lỗ bị phá sản và trở thành người nghèo.

3. Vận dụng quy luật giá trị .

a. Về phía nhà nước .

- Phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa .

- Hình thành thị trường thống nhất trong cả nước gắn với thị trường thế giới.

- Điều tiết thị trường nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường .

b. Về phía công dân.

- Giảm chi phí sản xuất nâng cao chất lượng hàng hóa.

- Điều chỉnh, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

- Thường xuyên đổi mới kỹ thuật và công nghệ, hợp lý hóa sản xuất.

Bài 4 : CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

a. Khái niệm cạnh tranh.

- Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.

b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

- Do tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là một đơn vị kinh tế độc lập.
- Mỗi đơn vị kinh tế có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

2. Mục đích của cạnh tranh

- Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.
- **Biểu hiện :**
 - + Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác.
 - + Giành ưu thế về khoa học và công nghệ.
 - + Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và các đơn đặt hàng .
 - + Giành ưu thế về chất lượng và giá cả hàng hóa.

3. Tính hai mặt của cạnh tranh.

a. Mặt tích cực của cạnh tranh.

- Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học –kĩ thuật phát triển và năng suất lao động tăng lên.
- Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.
- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh , chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

b. Mặt hạn chế của cạnh tranh.

- Chạy theo lợi nhuận làm cho môi trường suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng.
- Một số người dùng những thủ đoạn phi pháp và bất lương để giành giật khách hàng và thu nhiều lợi nhuận.
- Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường .

Bài 5 : CUNG CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

1. Khái niệm cung – cầu.

a. Khái niệm cầu.

Cầu là khối lượng hàng hóa dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định.

b. Khái niệm cung.

Cung là khối lượng hàng hóa dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi

phí sản xuất xác định.

2. *Mối quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.*

a) *Nội dung.*

Là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán và người mua hay giữa những người sản xuất với những người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hóa dịch vụ.

a) *Biểu hiện .*

- *Cung – cầu tác động lẫn nhau:*

+ Khi cầu tăng → cung tăng.

+ Khi cầu giảm → cung giảm.

- *Cung –cầu ảnh hưởng đến giá cả:*

+ khi cung = cầu -> giá cả = giá trị.

+ khi cung > cầu -> giá cả < giá trị.

+ khi cung < cầu -> giá cả > giá trị.

- *Giá cả ảnh hưởng đến cung cầu:*

+ khi giá cả tăng -> sản xuất mở rộng -> cung tăng và cầu giảm.

+ khi giá cả giảm -> sản xuất giảm

-> cung giảm và cầu tăng.

3. *Vận dụng quan hệ cung – cầu.*

- Đối với nhà nước : điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp vĩ mô thích hợp.

- Đối với người sản xuất – kinh doanh : ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất , kinh doanh thích ứng với các trường hợp cung cầu .

- Đối với người người tiêu dùng : ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung – cầu để có lợi .

Bài 6 : CÔNG NGHIỆP HÓA , **HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**

1. Khái niệm công nghiệp hoá hiện đại hoá ;tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước .

a. Khái niệm công nghiệp hoá ,hiện đại hoá.

- Công nghiệp hoá là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động dựa trên sự phát triển của công nghiệp cơ khí.

- Hiện đại hoá là quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến hiện đại vào quá trình sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lí kinh tế – xã hội .

- Công nghiệp hoá hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động kinh tế và quản lí kinh tế – xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động, cùng với công nghệ phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

b. Tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hoá ,hiện đại hoá .

****Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hoá hiện đại hoá .***

- Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu về kinh tế, kĩ thuật -công nghệ .
- Do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao .

**** Tác dụng to lớn và toàn diện của công nghiệp hoá, hiện đại hoá .***

- Thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế – xã hội .
- Củng cố quan hệ sản xuất XHCN tăng cường vai trò của nhà nước và mối quan hệ giữa công nhân- nông dân – trí thức.
- Phát triển nền văn hoá tiên tiến , đậm đà bản sắc dân tộc.
- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh.

2. Nội dung cơ bản của công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở nước ta.

a. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

- Thực hiện cơ khí hoá nền sản xuất xã hội .
- Áp dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào các ngành của nền kinh tế quốc dân .
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực .

b. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lí , hiện đại và hiệu quả .

- Xu hướng chuyển dịch ở nước ta : đi từ cơ cấu kinh tế nông nghiệp lên cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp và phát triển lên thành cơ cấu kinh tế công, nông nghiệp và dịch vụ hiện đại .

- Đi đôi với chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải phát triển nền kinh tế tri thức .

c. củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và tiến tới xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân .(đọc thêm)

3. Trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hoá , hiện đại hoá đất nước .

- Có nhận thức đúng đắn về tính tất yếu khách quan và tác dụng to lớn của công nghiệp hoá , hiện đại hoá đất nước.

- Trong sản xuất kinh doanh cần lựa chọn ngành mặt hàng có khả năng cạnh tranh cao ,phù hợp với nhu cầu của thị trường.

- Tiếp thu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất.

- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ học vấn chuyên môn.

Bài 7 :

THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN VÀ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ NỀN KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần .

a. Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần .

- Khái niệm thành phần kinh tế : là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.

- Tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta .

+ Trong thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta các thành phần kinh tế cũ và mới tồn tại khách quan tạo thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

+ Lực lượng sản xuất ở nước ta còn thấp kém và nhiều trình độ khác nhau nên có

nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất khác nhau.

b. Các thành phần kinh tế ở nước ta .

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã xác định , ở nước ta có 5 thành phần kinh tế :

- **Kinh tế nhà nước** : dựa trên hình thức sở hữu nhà nước về tư liệu sản xuất .

Kinh tế nhà nước bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ dự trữ quốc gia, các quỹ bảo hiểm nhà nước và các tài sản thuộc sở hữu nhà nước có thể đưa vào sản xuất kinh doanh.

Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo nắm giữ các vị trí các lĩnh vực then chốt ,giúp nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế thị trường.

- **Kinh tế tập thể** : dựa trên hình thức sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất, bao gồm nhiều hình thức hợp tác đa dạng trong đó hợp tác xã là nòng cốt.

Kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- **Kinh tế tư nhân** : Hình thức sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Có vai trò quan trọng , là một trong những động lực của nền kinh tế. Bao gồm :

+ Kinh tế cá thể tiểu chủ : Tư hữu nhỏ về tư liệu sản xuất và lao động của bản thân người lao động

+ Kinh tế tư bản tư nhân : Sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất .

- **Kinh tế tư bản nhà nước** : dựa trên hình thức sở hữu hỗn hợp về vốn giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước , hoặc với tư bản nước ngoài (thông qua các hình thức như hợp đồng hợp tác, kinh doanh liên doanh ...)

Vai trò:

. Có tiềm năng to lớn về vốn , công nghệ, khả năng tổ chức quản lí.

. Là giải pháp để nâng cao sức cạnh tranh và kinh doanh có hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước.

. Là cầu nối đưa sản xuất nhỏ lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội.

- **Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài** : dựa trên hình thức sở hữu vốn của nước ngoài . Có quy mô vốn lớn , trình độ quản lí hiện đại và trình độ công nghệ cao , đa dạng về đối tác cho phép thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta.

2. Vai trò quản lí kinh tế của nhà nước . (đọc thêm)

PHẦN II : CÔNG DÂN VỚI CÁC VẤN ĐỀ
CHÍNH TRỊ –X HỘI

Bài 8 : CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Chủ nghĩa xã hội và những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a. Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa. (đọc thêm)

b. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh;
- Do nhân dân lao động làm chủ ;
- Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất;
- Có nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc;
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện;
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng ,đoàn kết tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ;
- Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

2. Quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a. Tính tất yếu khách quan đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Sau khi hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn con đường đi lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là sự lựa chọn đúng đắn vì :

Chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội thì đất nước mới

- + Thực sự có độc lập tự do;
- + Mới xoá bỏ được áp bức bóc lột;
- + Mới có cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc;

mọi người mới có điều kiện phát triển toàn diện.

b. Đặc điểm thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.(đọc thêm)

Bài 9 :

NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1 Nguồn gốc và bản chất của nhà nước .

a. Nguồn gốc của nhà nước .

Nhà nước chỉ ra đời khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất ,khi xã hội

phân hóa thành các giai cấp ,mâu thuẫn giữa các giai cấp ngày càng gay gắt đến mức không thể điều hòa được.

b. Bản chất của nhà nước.(đọc thêm)

- Nhà nước là bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác .
- + Được thể hiện ở 3 mặt : kinh tế, chính trị, tư tưởng.
- + Ý chí của giai cấp thống trị thể hiện thành ý chí của nhà nước ,bắt buộc mọi thành viên trong xã hội phải tuân theo.
- Nhà nước là bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác .

➔ Nhà nước mang bản chất giai cấp của giai cấp thống trị

2.Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

a. Thế nào là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lí mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật, do Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo.

b. Bản chất của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân.
- Thể hiện tập trung nhất ở sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản đối với nhà nước toàn bộ hoạt động của nhà nước đều thể hiện quan điểm của giai cấp công nhân, nhằm thực hiện lợi ích, ý chí, nguyện vọng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.
- Bản chất giai cấp công nhân của Nhà Nước ta bao hàm cả tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc:
 - + Tính nhân dân : Là nhà nước của dân , do dân, vì dân lập nên và nhân dân tham gia quản lí.
 - + Tính dân tộc : kế thừa và phát huy những truyền thống bản sắc tốt đẹp của dân tộc, có chính sách dân tộc đúng đắn, thực hiện đại đoàn kết dân tộc.

c. Chức năng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Một là , chức năng bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.
- Hai là , chức năng tổ chức và xây dựng, đảm bảo thực hiện các quyền tự do, dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân.

Hai chức năng trên có mối quan hệ hữu cơ và thống nhất với nhau trong đó chức năng tổ chức và xây dựng là căn bản nhất giữ vai trò quyết định.

d. Vai trò của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống chính trị (đọc thêm)

- Thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam ,thể chế hóa và thực hiện quyền làm chủ của công dân.
- Tổ chức xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa.
- Là công cụ hữu hiệu để Đảng thực hiện vai trò của mình đối với toàn xã hội.
- Là công cụ chủ yếu của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- gương mẫu thực hiện và tuyên truyền vận động mọi người thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.
- Tích cực tham gia các hoạt động : xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.
- Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật.
- Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Bài 10 : NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1.Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Là nền dân chủ của quảng đại quần chúng nhân dân, được thực hiện chủ yếu bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản .

Biểu hiện :

- Một là: nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân.
- Hai là: nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.
- Ba là : nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác-lênin làm nền tảng tinh thần của xã hội.
- Bốn là : dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ của nhân dân lao động.
- Năm là :dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn liền với pháp luật, kỉ luật và kỉ cương.

2.Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

a. Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế(đọc thêm).

b. Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực chính trị.

Mọi quyền lực thuộc về nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

- Quyền bầu cử, ứng cử.
- Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung

của nhà nước và địa phương.

- Quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

Quyền được thông tin , tự do ngôn luận, tự do báo chí.

c. Dân chủ trong lĩnh vực văn hóa.

- Quyền được tham gia vào đời sống văn hóa.
- Quyền được hưởng các lợi ích từ sáng tạo văn hóa , nghệ thuật của chính mình.
- Quyền sáng tác phê bình văn học nghệ thuật.

d. Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội .

- Quyền lao động.
- Quyền bình đẳng nam nữ.
- Quyền được hưởng an toàn xã hội và bảo hiểm xã hội.
- Quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe.
- Quyền được bảo đảm về mặt vật chất và tinh thần khi không còn khả năng lao động.
- Quyền bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, về cống hiến và hưởng thụ của các thành viên trong xã hội.

3.Những hình thức cơ bản của dân chủ.

a. Dân chủ trực tiếp.

Là hình thức dân chủ với những quy chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết, tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng, của nhà nước.

☐ Những hình thức cơ bản của dân chủ trực tiếp ngày nay là :

- Trưng cầu ý dân (trong phạm vi toàn quốc)
- Thực hiện sáng kiến pháp luật.
- Nhân dân tự quản, xây dựng và thực hiện các quy ước hương ước phù hợp với pháp luật.

b. Dân chủ gián tiếp.

Là hình thức dân chủ thông qua những quy chế, thiết chế để nhân dân bầu ra những người đại diện thay mặt mình quyết định các công việc chung của cộng đồng, của Nhà nước.

Bài 11 : CHÍNH SÁCH DÂN SỐ
VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

1. Chính sách dân số.

a. Tình hình dân số nước ta(đọc thêm)

Vẫn còn đứng trước những thách thức : Quy mô dân số lớn, tốc độ tăng còn nhanh ,kết quả giảm sinh chưa thật vững chắc, chất lượng dân số thấp, mật độ dân số cao và phân bố chưa hợp lí.

b. Phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách dân số.

- ☐ Phương hướng :
 - + Tăng cường công tác lãnh đạo và quản lí tổ chức tốt bộ máy làm công tác dân số từ trung ương đến cơ sở.
 - + Làm tốt công tác thông tin và tuyên truyền giáo dục với nội dung thích hợp.
 - + Nâng cao sự hiểu biết của người dân về chính sách dân số.

2. Chính sách giải quyết việc làm .

a. Tình hình việc làm hiện nay.

Hiện nay tình trạng thiếu việc làm ở nước ta vẫn là vấn đề rất bức xúc ở cả nông thôn lẫn thành thị.

b. Phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm.

- ☐ Phương hướng :
 - + Thúc đẩy phát triển sản xuất và dịch vụ.
 - + Khuyến khích làm giàu theo pháp luật, tự do hành nghề.
 - + Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
 - + Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn.

3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm.

- Chấp hành chính sách dân số và pháp luật về dân số.
- Chấp hành chính sách giải quyết việc làm và pháp luật về lao động.
- Động viên người thân trong gia đình và những người khác cùng chấp hành, đồng thời đấu tranh chống những hành vi vi phạm chính sách dân số và giải quyết việc làm.
- Có ý chí vươn lên nắm bắt khoa học kĩ thuật tiên tiến, định hướng nghề nghiệp đúng đắn, chủ động tìm kiếm việc làm...

Bài 12 : CHÍNH SÁCH TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

1. Tình hình tài nguyên, môi trường ở nước ta hiện nay (đọc thêm)

2. Phương hướng và biện pháp cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lí nhà nước về bảo vệ môi trường từ trung ương đến địa phương.
- Thường xuyên giáo dục, tuyên truyền, xây dựng ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường cho mọi người dân.
- Coi trọng công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, mở rộng hợp tác quốc tế- khu vực.
- Chủ động phòng ngừa ngăn chặn ô nhiễm cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên.
- Khai thác sử dụng hợp lí tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.
- Áp dụng công nghệ hiện đại để khai thác tài nguyên và xử lí chất thải.

3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Chấp hành chính sách và pháp luật bảo vệ tài nguyên môi trường.
- Tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ tài nguyên môi trường ở địa phương và nơi mình ở.
- Vận động mọi người cùng thực hiện, chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Bài 13 : CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HÓA .

1. Chính sách giáo dục và đào tạo.

a. Nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo.

- **Vai trò** : Quan trọng trong việc giữ gìn, phát triển và truyền bá văn minh nhân loại.
- **Nhiệm vụ** : Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài nhằm phát triển tiềm năng trí tuệ cung cấp cho đất nước nguồn lao động có chất lượng cao.

b. Phương hướng cơ bản để phát triển giáo dục và đào tạo.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục: giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học có chính sách đúng đắn.

- Mở rộng quy mô giáo dục.
- Ưu tiên đầu tư cho giáo dục.
- Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục: đảm bảo học tập là quyền và nghĩa vụ của mỗi người.

2. Chính sách khoa học và công nghệ.

a. Nhiệm vụ của khoa học và công nghệ.

Vị trí : Khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển đất nước.

Nhiệm vụ : Giải đáp kịp thời những vấn đề lí luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân ...

b. Phương hướng biện pháp cơ bản để phát triển khoa học và công nghệ.

- Đổi mới cơ chế quản lí khoa học và công nghệ nhằm khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, lí luận.
- Tạo thị trường cho khoa học và công nghệ
- Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ.

Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm của khoa học công nghệ.

3. Chính sách văn hóa.

a. Nhiệm vụ của văn hóa.

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc .

b. Phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

- Làm cho chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân.
- Kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống văn hóa của dân tộc.
- Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.
- Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ văn hóa , phát huy tiềm năng sáng tạo văn hóa của nhân dân.

4. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa.

- Tin tưởng và chấp hành đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo , khoa học công nghệ, văn hóa.
- Thường xuyên nâng cao trình độ học vấn , coi trọng việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Ra sức trau dồi phẩm chất đạo đức, chiếm lĩnh kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại để thực hiện ước mơ làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh.
- Có quan hệ tốt đẹp với mọi người xung quanh, biết phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.

Bài 14:

CHÍNH SÁCH QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH.

1. Vai trò và nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh.(đọc thêm)

2. Những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường quốc phòng và an ninh.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.
- Kết hợp quốc phòng với an ninh .
- Kết hợp kinh tế – xã hội với quốc phòng và an ninh .

3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách quốc phòng và an ninh.

- Tin tưởng vào chính sách quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước.
- Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu thủ đoạn tinh vi của kẻ thù.
- Chấp hành pháp luật về quốc phòng và an ninh , giữ gìn trật tự an ninh quốc gia.
- Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Tích cực tham gia vào các hoạt động trên lĩnh vực quốc phòng và an ninh tại nơi cư trú.

Bài 15:

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI.

1. Vai trò nhiệm vụ của chính sách đối ngoại.

a. Vai trò của chính sách đối ngoại.

- Chủ động tạo ra quan hệ quốc tế thuận lợi đưa nước ta hội nhập với thế giới.
- Góp phần tạo ra điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước.
- Nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế.

b. Nhiệm vụ .

- Giữ vững môi trường hòa bình.
- Tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới
- Đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.
- Xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

2. Nguyên tắc của chính sách đối ngoại.

- Tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- Tôn trọng lẫn nhau , bình đẳng cùng có lợi.

3. Phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách đối ngoại.

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác.
- Củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân,
- Phát triển công tác đối ngoại nhân dân.
- Chủ động tham gia vào cuộc đấu tranh chung vì quyền con người.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại.

4. Trách nhiệm của công dân đối với công tác đối ngoại.

- Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước.
- Luôn luôn quan tâm đến tình hình thế giới và vai trò của nước ta trên trường quốc tế.
- Chuẩn bị những điều kiện cần thiết để tham gia vào các công việc liên quan đến đối ngoại.
- Khi quan hệ với đối tác nước ngoài cần thể hiện ý thức dân tộc và phát huy những nét đẹp trong truyền thống văn hóa của dân tộc, có thái độ hữu nghị, đoàn kết, lịch sự, tế nhị.